

Số: **41** /KH-UBND

Cam Lộ, ngày **28** tháng 6 năm 2018

KẾ HOẠCH

Tổ chức sơ kết đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện Cam Lộ

Thực hiện Công văn số 2143/UBND-VX ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Kế hoạch số 1321/SLĐTĐTBXH-BTXH ngày 31/5/2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo, UBND huyện xây dựng Kế hoạch tổ chức đánh giá sơ kết giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:

- Đánh giá giữa kỳ những kết quả đạt được so với tiến độ, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi là Chương trình) và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 76/2014/QH13;

- Phân tích những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và các chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện;

- Đề xuất, kiến nghị về việc hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo; giải pháp huy động, bố trí và sử dụng nguồn lực; giải pháp chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện mục tiêu giảm nghèo từ nay đến năm 2020;

- Qua đánh giá giữa kỳ, đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung chiều, chỉ số đo lường nghèo đa chiều cho giai đoạn tiếp theo nhằm phản ánh tốt hơn thực trạng nghèo, hướng tác động nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Yêu cầu:

- Đánh giá giữa kỳ được thực hiện trong phạm vi toàn huyện (8 xã và thị trấn); có sự tham gia của người dân.

- Đánh giá giữa kỳ bao gồm đánh giá của các phòng, ban, ngành được phân công nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Chương trình; đánh giá của cấp chính quyền địa phương trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo thông qua Chương trình.

- Đánh giá tổng thể bao gồm: đánh giá thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình giảm nghèo; đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo và đánh giá hiệu quả tác động tới đối tượng thụ hưởng; đánh giá thực hiện các chính sách giảm nghèo và tiến độ rà soát sửa đổi hệ thống chính sách giảm nghèo hiện hành;

- Qua đánh giá giữa kỳ, cần rút ra những kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020.

II. Tiêu chí đánh giá

Đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 76/2014/QH13, cần đáp ứng được các tiêu chí sau:

1. *Tính kịp thời* trong việc xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách giảm nghèo; các văn bản hướng dẫn và bố trí vốn để thực hiện Chương trình.

2. *Tính phù hợp* của cơ chế, chính sách, các Dự án, Tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình trong triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Sự phù hợp cần được xem xét trên các phương diện phù hợp về *đối tượng thụ hưởng*, *đặc điểm vùng miền* (dân tộc thiểu số, thôn nghèo, xã nghèo, vùng kinh tế-sinh thái ...), *phù hợp với nguồn lực và năng lực* thực thi Chương trình của địa phương.

3. *Tính đồng bộ và hệ thống* của cơ chế, chính sách và giải pháp giảm nghèo hiện hành. Tiêu chí này thể hiện ở chỗ hệ thống cơ chế chính sách có xuất phát từ đặc điểm của đối tượng thụ hưởng, thống nhất, không mâu thuẫn, tạo điều kiện để thực hiện tốt được mục tiêu giảm nghèo đa chiều ở địa phương.

4. *Tính đầy đủ* thể hiện ở mức độ bố trí nguồn lực đảm bảo tính *đầy đủ và kịp thời* cho thực hiện các chính sách, Dự án, Tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình.

5. *Tính hiệu lực và hiệu quả* thực thi chính sách và giải pháp giảm nghèo thể hiện ở các lĩnh vực sau:

- Cụ thể hóa của địa phương trong việc đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện chính sách, Chương trình tới đối tượng thụ hưởng, ban hành các chính sách đặc thù trên địa bàn;

- Sự phối kết hợp các ngành, các cấp liên quan để thực hiện chính sách và giải pháp thực hiện Chương trình đã ban hành;

- Bố trí và sử dụng nguồn lực;

- Tác động của việc thực hiện chính sách và giải pháp giảm nghèo đến đối tượng thụ hưởng.

III. Phương thức, nội dung đánh giá:

1. Phương thức đánh giá:

Phương thức đánh giá giữa kỳ bao gồm:

- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể: đánh giá dựa trên các hoạt động thực hiện nhiệm vụ đã thực hiện và tổng hợp số liệu liên quan báo cáo lên UBND huyện (có dự báo đến năm 2020).

- Cấp xã: Đánh giá dựa trên việc triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo ở địa phương.

2. **Nội dung đánh giá:** Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; UBND các xã, thị trấn tự đánh giá theo Đề cương báo cáo và phụ lục báo cáo (*có gửi kèm Đề cương báo cáo và Phụ lục báo cáo*)

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Phối hợp và tổng hợp số liệu từ các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo trên địa bàn.

- Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện.

- Chủ trì tổ chức đánh giá triển khai thực hiện Chính sách dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo trên địa bàn huyện: Dự án Truyền thông giảm nghèo; Dự án Nâng cao năng lực giảm nghèo và kiểm tra, giám sát đánh giá công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện trong 03 năm qua (2016-2018).

- Tổng hợp, dự thảo Báo cáo đánh giá giữa kỳ trên địa bàn huyện và trình UBND huyện xem xét, báo cáo Sở Lao động- TB&XH.

2. Phòng Y tế, BHXH: Chủ trì đánh giá thực hiện Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trong 03 năm qua (2016-2018).

3. Phòng Giáo dục - Đào tạo: Chủ trì đánh giá thực hiện Chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo cho hộ nghèo trong 03 năm qua (2016-2018).

4. Phòng Tư pháp: Chủ trì đánh giá thực hiện Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số trong 03 năm qua (2016-2018).

5. Phòng Kinh tế-Hạ tầng: Chủ trì đánh giá thực hiện Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo trong 03 năm qua (2016-2018).

6. Phòng Nông nghiệp và PTNT: Chủ trì, đánh giá thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong 03 năm qua (2016-2018).

7. Phòng Văn hóa-Thông tin: Chủ trì, đánh giá thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin trong 03 năm qua (2016-2018).

8. PGD Ngân hàng Chính sách xã hội huyện: Chủ trì đánh giá thực hiện Chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn trong 03 năm qua (2016-2018).

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Hội Nông dân huyện, Hội Cựu chiến binh huyện và Huyện Đoàn đánh giá kết quả tình hình tham gia phối hợp thực hiện công tác giảm nghèo trong 03 năm qua (2016-2018).

Trên đây là Kế hoạch tổ chức đánh giá sơ kết giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo. UBND huyện yêu cầu các phòng, ban ngành, đoàn thể liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện và gửi báo cáo kết quả đánh giá, kèm theo hệ thống biểu mẫu thông tin về UBND huyện (qua cơ quan trường trực phòng Lao động - TB&XH) trước ngày 30/7/2018 để tổng hợp báo cáo Sở Lao động- TB&XH đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- TT.Huyện ủy, HĐND;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- UBMT huyện;
- Các phòng ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn.
- Lưu VT, LĐT BXH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 76/2014/QH13

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2018 của UBND huyện Cam Lộ)

Đề cương báo cáo này dùng cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện và UBND các xã, thị trấn:

I. Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo (theo Nghị quyết 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020):

1. Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành;

- Đánh giá thực trạng và nguyên nhân nghèo trên địa bàn;
- Đánh giá kết quả xây dựng đề án, kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn và bổ sung cơ chế, chính sách giảm nghèo đặc thù, giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện;

- Phân công, chỉ đạo, theo dõi thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn.

2. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện Cam Lộ qua 3 năm (2016-2018):

- Bố trí nguồn lực thực hiện chính sách giảm nghèo thể hiện: mức độ đầy đủ và kịp thời so với nhu cầu thực hiện; huy động từ các nguồn khác để thực hiện;

- Sự vận dụng của địa phương trong việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trên địa bàn;

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách tới đối tượng thụ hưởng;

- Phân công trách nhiệm của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện;

- Công tác tổ chức giám sát, kiểm tra của địa phương;

- Kết quả thực hiện từng chính sách giảm nghèo trên địa bàn, bao gồm (báo cáo kèm theo Phụ lục 01):

+ Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo, người cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Chính sách hỗ trợ về giáo dục- đào tạo cho hộ nghèo

+ Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nghèo.

+ Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo.

+ Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo và dân tộc thiểu số.

+ Chính sách tín dụng ưu đãi.

+ Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo.

(Mỗi chính sách tập trung đánh giá: kinh phí thực hiện; đối tượng thụ hưởng: người, hộ, xã).

II. Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững qua 3 năm (2016-2018)

1. Đánh giá việc thiết kế Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 hoạt động thuộc Chương trình, gồm các nội dung sau:

- *Về mục tiêu:* Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2016-2020 có phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội không? có đảm bảo giảm được nghèo theo mục tiêu đề ra không?

- *Về đối tượng:* mức độ hưởng lợi của các đối tượng ưu tiên (số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số...) có cần điều chỉnh hoặc bổ sung thêm đối tượng không (như hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình?)

- *Các hoạt động dự án có được thiết kế:* phù hợp, đồng bộ và hệ thống chưa? Có gì phải điều chỉnh không?

- *Đầu ra của dự án:* có phù hợp đảm bảo đạt được mục tiêu giảm nghèo? có gì cần điều chỉnh không?

- *Về công tác chỉ đạo, điều hành:* hợp lý chưa? cần bổ sung sửa đổi như thế nào?

- *Về cơ chế tổ chức thực hiện:* phù hợp, đồng bộ và hệ thống chưa? Có gì phải điều chỉnh không?

2. Bố trí vốn cho các dự án giảm nghèo:

Bố trí vốn cho từng dự án giảm nghèo được đánh giá ở mức độ:

- Mức độ đầy đủ và kịp thời về kinh phí so với nhu cầu để thực hiện từng hoạt động của dự án;

- Mức huy động từ các nguồn vốn khác nhau cho giảm nghèo (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, đóng góp từ doanh nghiệp, của cộng đồng và cá nhân);

- Các bất cập trong bố trí nguồn lực cho giảm nghèo.

3. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án giảm nghèo:

Đánh giá kết quả thực hiện từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (*nếu có*), (báo cáo kèm theo Phụ lục 02) cụ thể:

3.1. Dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

3.2. Dự án 2: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

3.3. Dự án 3: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình giảm nghèo.

III. Đánh giá kết quả các mục tiêu của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

1. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

- Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo so với kế hoạch của giai đoạn (bản đặc biệt khó khăn);

- Kết quả thực hiện mục tiêu tăng thu nhập của các hộ nghèo, hộ cận nghèo so với kế hoạch của giai đoạn (bản đặc biệt khó khăn);

- Kết quả thực hiện mục tiêu đưa các địa bàn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn so với kế hoạch của giai đoạn (bản đặc biệt khó khăn).

- Kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể khác của Chương trình.

2. Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng hưởng lợi

- Đánh giá sự tham gia của các đối tượng hưởng lợi vào công tác lập kế hoạch trung hạn và hàng năm của Chương trình (tổng số cuộc họp thôn lập kế hoạch, số lượt người tham gia các cuộc họp thôn lập kế hoạch trong đó ghi rõ tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số);

- Đánh giá sự tham gia của người dân trong tổ chức thực hiện theo các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình (mức độ đóng góp, tham gia vào giám sát, tham gia vận hành và duy tu, bảo dưỡng);

- Đánh giá mức độ hưởng lợi của hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số... trong các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

3. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo một số chủ đề, lĩnh vực với sự hợp tác, hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, đối tác cùng quan tâm

- Cơ chế phân cấp và trao quyền, phát huy nội lực cộng đồng, giảm nghèo dựa vào cộng đồng;

- Sự hài lòng của người dân được thụ hưởng với các hoạt động của Chương trình;

- Giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số;

- Thực hiện bình đẳng giới trong giảm nghèo;

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo (giữa các vùng miền, các nhóm dân cư), giảm nghèo - không để ai bị để lại phía sau;

- Tiếp cận nghèo đa chiều trẻ em trong nghèo đa chiều quốc gia;

- Phát triển chuỗi giá trị hướng đến giảm nghèo bền vững...

IV. Giám sát và đánh giá

Công tác giám sát và đánh giá thực hiện chương trình giảm nghèo được thực hiện tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Rà soát mức độ đầy đủ, đồng bộ, phù hợp của bộ chỉ tiêu cho giám sát và đánh giá giảm nghèo;

- Hệ thống tổ chức cho giám sát và đánh giá (nhân lực, bộ máy tổ chức, cơ sở vật chất kỹ thuật cho đánh giá);

- Cơ chế cho giám sát đánh giá;

- Mức độ, tần suất thực hiện các hoạt động giám sát và đánh giá;

- Các bất cập và những vấn đề nảy sinh trong giám sát và đánh giá.

V. Nguồn vốn thực hiện các chính sách giảm nghèo và các dự án giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện trong 3 năm (2016-2018):

Tổng nguồn vốn thực hiện chính sách, dự án giảm nghèo trên địa bàn tỉnh là triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn thực hiện các chính sách giảm nghèo là triệu đồng (trong đó: nguồn vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội: triệu đồng);

- Nguồn vốn thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là triệu đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển: triệu đồng; vốn sự nghiệp: triệu đồng);

- Quỹ “Ngày vì người nghèo”: triệu đồng;

- Nguồn vốn huy động khác: triệu đồng.

VII. Đánh giá chung

1. Mặt được, thuận lợi

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình giảm nghèo bền vững;

- Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình giảm nghèo bền vững.

VIII. Các đề xuất và kiến nghị

Những đề xuất và kiến nghị sẽ tập trung vào các lĩnh vực sau:

1. Kiến nghị điều chỉnh mục tiêu và thiết kế

- Đề xuất về điều chỉnh, hoàn thiện nội dung các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên các phương diện: mục tiêu, đối tượng thụ hưởng của dự án, các hoạt động dự án, cơ chế thực hiện, nguồn vốn, các đầu ra của dự án;

- Đề xuất về đối tượng hưởng lợi của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (cách xác định đối tượng, các đối tượng cần bổ sung...).

2. Đề xuất bố trí vốn và cơ chế huy động vốn

- Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn đảm bảo đủ và kịp thời lượng vốn cho thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững;

- Đề xuất về cơ chế quản lý tài chính phù hợp để thúc đẩy tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

3. Đề xuất về chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Đề xuất hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, điều hành và phối kết hợp của các Sở ngành và các cấp trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững;

- Đề xuất về hoàn thiện cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (hệ thống tổ chức quản lý: nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách; công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá...);

- Đề xuất khen thưởng các địa phương có kết quả xuất sắc trong tổ chức thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; các mô hình cần nhân rộng./.

Phụ lục 01: Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo
(Dùng cho cấp: huyện)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị thực hiện báo cáo	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Luỹ kế đến thời điểm báo cáo (từ năm	Ghi chú	
I	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về giáo dục- đào tạo		Phòng GD-ĐT						
1	Tổng số học sinh được hỗ trợ	Lượt học sinh							
2	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đ							
	Nội dung hỗ trợ bao gồm như sau:								
	- Số học sinh nghèo, cận nghèo được hỗ trợ miễn giảm học phí	Lượt học sinh							
	+ Số học sinh nghèo (giảm 100% học phí)	Lượt học sinh							
	+ Số học sinh cận nghèo (giảm 50% học phí)	Lượt học sinh							
	Kinh phí miễn giảm học phí	Tr.đ							
	- Số học sinh nghèo được hỗ trợ chi phí học tập	Lượt học sinh							
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	Tr.đ							
II	Chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế		BHXH						
1	Số lượt người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, ĐBDTTS đi khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT	Lượt							
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng							
2	Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo								
	Kinh phí từ ngân sách phân bổ cho Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo trong năm 2018	Triệu đồng							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị thực hiện báo cáo	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Luỹ kế đến thời điểm báo cáo (từ năm	Ghi chú
	Số lượt người nghèo đi khám, chữa bệnh được hỗ trợ từ Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo	Lượt						
	Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng						
III	Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào DTTS		Tư pháp					
1	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý	Lớp						
	- Số người tham dự	Người						
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng						
2	Tổ chức các buổi sinh hoạt trợ giúp PL	buổi						
	- Số người tham dự	Người						
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng						
3	Số lượt Tư vấn pháp luật cho người nghèo, đồng bào DTTS	lượt						
	- Số người được tư vấn, hỗ trợ	Người						
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng						
IV	Chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo về nhà ở		Kinh tế-HT					
1	Số hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg	Hộ						
-	Kinh phí thực hiện. Trong đó:	Triệu đồng						
-	Vốn từ Ngân sách	Triệu đồng						
-	Vốn vay từ Ngân hàng CSXH	Triệu đồng						
-	Vốn huy động khác	Triệu đồng						
V	Bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, đbdttts,		BHXH					
1	Số người thuộc hộ gia đình nghèo được cấp thẻ BHYT	Người						
	- Kinh phí cấp thẻ	Triệu đồng						

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị thực hiện báo cáo	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Lũy kế đến thời điểm báo cáo (từ năm	Ghi chú
2	Người DTTS đang sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH khó khăn được cấp thẻ BHYT	Người						
	- Kinh phí cấp thẻ	Triệu đồng						
3	Người đang sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn được cấp thẻ BHYT	Người						
	- Kinh phí cấp thẻ	Triệu đồng						
4	Số người thuộc hộ cận nghèo mới thoát nghèo theo QĐ 705 được cấp thẻ BHYT	Người						
	- Phần kinh phí do nhà nước hỗ trợ mua thẻ BHYT	Triệu đồng						
5	Số người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT theo QĐ 797	Người						
	- Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT	Triệu đồng						
VI	Chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác		NHCS					
1	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo							
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Hộ						
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng						
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng						
2	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ cận nghèo							
	- Số hộ cận nghèo được vay vốn	Hộ						
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng						
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng						
3	Chương trình cho vay tín dụng HS-SV							
	- Số hộ được vay vốn	Hộ						

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị thực hiện báo cáo	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Lũy kế đến thời điểm báo cáo (từ năm	Ghi chú
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng						
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng						
4	Cho vay XKLD đối với hộ nghèo							
	- Số hộ được vay vốn	Hộ						
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng						
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng						
5	Cho vay làm nhà ở đối với hộ nghèo							
	- Số hộ được vay vốn	Hộ						
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng						
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng						
6	Cho vay đối với hộ dân tộc thiểu số ĐBKK							
	- Số hộ được vay vốn	Hộ						
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng						
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng						
7	Cho vay đối với hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn							
	- Số hộ được vay vốn	Hộ						
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng						
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng						
8	Cho vay NSVSMT							
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Hộ						
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng						
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng						

....., ngày tháng năm 2018

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Tỉnh
Huyện

...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục 02: Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện			
			Năm 2016	Năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Tổng cộng (2016-2018)
IV	Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài					
1	Tổng ngân sách, gồm	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kinh phí giải ngân	Triệu đồng				
	- Chia theo nguồn ngân sách					
	+ Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	+ Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	+ Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
3.1.1	Hỗ trợ đào tạo					
a.	Tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người				
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	- Trong đó:					
	Số lao động được hỗ trợ đào tạo nghề trong tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người				
	Chia theo đối tượng:					

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện			
			Năm 2016	Năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Tổng cộng (2016-2018)
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
3.1.2	Tổng số lao động được hỗ trợ thủ tục xuất cảnh	Người				
	<i>Chia theo đối tượng:</i>					
	- Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	- Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	- Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
3.1.3	Tổng số lao động đã xuất cảnh	Người				
	<i>- Chia theo đối tượng:</i>					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	<i>- Trong đó:</i>					
	Tổng số lao động được đào tạo nghề đã xuất cảnh	Người				
	<i>Chia theo đối tượng:</i>					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
3,2	Nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tư vấn					
3.2.1	Nâng cao năng lực cán bộ					
	- Số lớp nâng cao năng lực được thực hiện	Lớp				
	- Số cán bộ, tuyên truyền viên cơ sở được tập huấn nâng cao năng lực	Người				
3.2.2	Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
	- Số người làm công tác tư vấn trực tiếp cho người lao động ở địa phương	Người				

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện			
			Năm 2016	Năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Tổng cộng (2016-2018)
	- Số buổi tuyên truyền, vận động được hỗ trợ từ ngân sách/nguồn huy động	Buổi				
3,3	Tư vấn, giới thiệu việc làm sau khi người lao động về nước tại địa phương					
	- Số lao động được tư vấn giới thiệu việc làm sau khi về nước	Người				
	- Số lao động có việc làm sau khi được tư vấn	Người				
C	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững (trên địa bàn xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a)					
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	- Số dự án PTSX					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án				
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				
D	Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin					
	Hoạt động giảm nghèo về thông tin					
	- Số cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động	Cán bộ				
	- Số hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin	Hộ				
E	Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình					
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng				

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện			
			Năm 2016	Năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Tổng cộng (2016-2018)
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
1	Kết quả thực hiện					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				
	- Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá					
	+ Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn				